

Số: 169 /TB-UBND

Gia Lâm, ngày 01 tháng 6 năm 2021.

THÔNG BÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

UBND huyện Gia Lâm thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán năm 2020 như sau:

1. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2020

1.1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020

- Cân đối ngân sách Huyện (Biểu số 93/CK-NSNN).
- Thực hiện thu NSNN huyện (Biểu số 94/CK-NSNN).
- Thực hiện chi ngân sách huyện (Biểu số 95/CK-NSNN).

1.2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020.

2. Hình thức công khai: Công bố trên Cổng thông tin điện tử Huyện, Trang thông tin công khai ngân sách và gửi Thông báo công khai cho các phòng, ban đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn.

3. Thời gian công khai: Kể từ ngày 03/6/2021.

UBND huyện Gia Lâm Thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Hà Nội;
- TT HU-HĐND, UBND Huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện;
- Ban KT-XH HĐND Huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân Huyện;
- Tòa án nhân dân Huyện;
- UBND các xã, thị trấn thuộc Huyện;
- Cổng thông tin điện tử Huyện;
- Trang thông tin công khai ngân sách;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện năm 2020

I. Thu ngân ngân sách Nhà nước

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: Thực hiện năm 2020 đạt 4.507.981 triệu đồng, bằng 152,2% dự toán Thành phố và Huyện giao, bằng 222,9% so với cùng kỳ năm trước, gồm:

- Thuế ngoài quốc doanh: 413.879 triệu đồng bằng 101,4% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 110,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế thu nhập cá nhân: 225.747 triệu đồng bằng 147,5% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 100,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí và lệ phí: 11.414 triệu đồng bằng 81,5% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 97% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu về nhà, đất: 3.462.530 triệu đồng bằng 162,9% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 308,7% so với cùng kỳ năm trước:

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 21.977 triệu đồng bằng 91,6% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 99,3% so với cùng kỳ năm trước.

+ Tiền thuê đất: 1.592.836 triệu đồng bằng 2.123,8% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 1.145,3% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu tiền sử dụng đất: 1.847.665 triệu đồng, bằng 91,2% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 192,4% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp: 52 triệu đồng bằng 86,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Lệ phí trước bạ: 195.314 triệu đồng bằng 88,1% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 98,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu quỹ đất công ích và HLCS tại xã: 42.256 triệu đồng bằng 222,4% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 134,0% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách: 137.046 triệu đồng, bằng 951,7% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 250,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất: 19.795 triệu đồng, bằng 327,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất: 18.745 triệu đồng, bằng 373,3% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng không giao dự toán, thực hiện thu: 1.050 triệu đồng, bằng 102% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 859.387 triệu đồng.

3. Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp: 3.997.688 triệu đồng bằng 162,4% dự toán Thành phố và huyện giao, bằng 277,1% so với cùng kỳ năm trước, gồm:

- Từ các khoản thu phân chia: 273.735 triệu đồng.
- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%: 3.723.953 triệu đồng.

(Chi tiết biểu số 93/CK-NSNN, 94/CK-NSNN kèm theo)

II. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách huyện năm 2020 thực hiện: 2.494.626 triệu đồng bằng 67% dự toán huyện giao và bằng 135,6% so với cùng kỳ năm trước.

1. Chi đầu tư XDCCB: Thực hiện 1.532.716 triệu đồng bằng 58,5% dự toán giao và bằng 162,6% so với cùng kỳ năm trước, gồm:

- Chi từ nguồn vốn XDCCB tập trung theo phân cấp: 89.954 triệu đồng bằng 96,7% dự toán giao và bằng 101,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi từ tiền sử dụng đất, tiền đền bù: 1.020.453 triệu đồng bằng 50,3% dự toán giao và bằng 194,0% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi chương trình mục tiêu Thành phố: 55.854 triệu đồng bằng 99,9% dự toán giao và bằng 132,9% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi từ chuyên nguồn, kết dư: 366.455 triệu đồng, bằng 82,1% dự toán giao và bằng 147,2% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi thường xuyên: Thực hiện 961.910 triệu đồng bằng 91,6% so với dự toán, bằng 107,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 46.828 triệu đồng bằng 67,7% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp môi trường: 75.617 triệu đồng bằng 94,1% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 465.481 triệu đồng bằng 97,8% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp y tế và Dân số kế hoạch hoá gia đình: 29.222 triệu đồng, bằng 83,3% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh: 13.157 triệu đồng bằng 91,2% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp TDTT: 7.363 triệu đồng, bằng 47,9% dự toán giao.
- Chi đảm bảo xã hội: 94.417 triệu đồng bằng 92,9% dự toán giao.
- Chi Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể: 227.259 triệu đồng bằng 89,7% dự toán giao.

(Chi tiết biểu số 95/CK-NSNN kèm theo)

III. Đánh giá chung

1. Thu ngân sách trên địa bàn đạt kết quả cao tăng 52,5% so với dự toán giao, một số chỉ tiêu thu hoàn thành vượt dự toán giao như: Thu tiền thuê đất đạt 2.123,8%; thuế thu nhập cá nhân đạt 147,5%; thu khác đạt 951,7%; thu lệ phí trước bạ nhà đất đạt 242,3%; Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản đạt 222,4%, bên cạnh đó chỉ tiêu thu phí và lệ phí không hoàn thành đạt tỷ lệ thấp

81,5% và lệ phí trước bạ ô tô, xe máy đạt 72,0%; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 91,6%; thu tiền sử dụng đất đạt 91,6%.

2. Về chi ngân sách: Chi đầu tư XD CB đạt tỷ lệ thấp bằng 58,5% kế hoạch do một số dự án chậm triển khai thi công, một số dự án trong quá trình triển khai thi công có phát sinh phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung dẫn đến chậm tiến độ. Chi thường xuyên cơ bản đảm bảo hoạt động của các cấp, các ngành theo dự toán, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 69/TB-UBND ngày 01/16/2021 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2 956 250	4 507 981	152,5	222,9
I	Thu cân đối NSNN	2 956 250	4 507 981	152,5	222,9
1	Thu nội địa	2 956 250	4 507 981	152,5	222,9
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		859 387		
B	Tổng chi ngân sách huyện	3 722 239	2 494 626	67,0	135,6
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2 622 139	1 532 716	58,5	162,6
II	Chi thường xuyên	1 050 623	961 910	91,6	107,3
III	Dự phòng ngân sách	49 477			

THỰC HIỆN THU NSNN HUYỆN GIA LÂM NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 1669 /TB-UBND ngày 01 /6/2021 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)	
				DT Huyện giao	Cùng kỳ
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2 956 250	4 507 981	152,5	222,9
I	Thu nội địa	2 956 250	4 507 981	152,5	222,9
1	Thuế ngoài quốc doanh	408 250	413 879	101,4	110,8
2	Thuế thu nhập cá nhân	153 000	225 747	147,5	100,6
3	Thu phí và lệ phí	14 000	11 414	81,5	97,0
4	Các khoản thu về nhà, đất	2 126 000	3 462 530	162,9	308,7
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>24 000</i>	<i>21 977</i>	<i>91,6</i>	<i>99,3</i>
	<i>Thu tiền thuê đất</i>	<i>75 000</i>	<i>1 592 836</i>	<i>2.123,8</i>	<i>1.145,3</i>
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>2 027 000</i>	<i>1 847 665</i>	<i>91,2</i>	<i>192,4</i>
	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>		<i>52</i>		<i>86,7</i>
5	Lệ phí trước bạ	221 600	195 314	88,1	98,4
	<i>Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	<i>21 000</i>	<i>50 879</i>	<i>242,3</i>	<i>252,1</i>
	<i>Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy</i>	<i>200 600</i>	<i>144 435</i>	<i>72,0</i>	<i>81,0</i>
6	Thu từ quỹ đất công ích, HLCS tại xã	19 000	42 256	222,4	134,0
7	Thu khác	14 400	137 046	951,7	250,3
8	Thu đóng góp XDCSHT và Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất		19 795		327,2
-	Thu đóng góp XDCSHT		1 050		102,0
-	Thu ĐB thiệt hại khi NN thu hồi đất		18 745		373,3
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2 461 113	3 997 688	162,4	277,1
1	Từ các khoản thu phân chia	266 613	273 735	102,7	85,2
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	2 194 500	3 723 953	169,7	332,1

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 669/TB-UBND ngày 01/6/2021 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	3 722 239	2 494 626	67,0	135,6
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2 622 139	1 532 716	58,5	162,6
1	Nguồn vốn XDCB tập trung theo phân cấp	93 000	89 954	96,7	101,3
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất, đền bù, chuyển nguồn, kết dư ngân sách	2 027 000	1 020 453	50,3	194,0
3	Chi từ nguồn CTMT thành phố	55 900	55 854	99,9	132,9
4	Chi từ chuyển nguồn, kết dư ngân sách	446 239	366 455	82,1	147,2
II	Chi thường xuyên	1 050 623	961 910	91,6	107,3
	<i>Tr.đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL</i>	31 706			
1	Chi sự nghiệp kinh tế	69 133	46 828	67,7	59,6
	- Sự nghiệp nông-lâm-thủy lợi	23 826	12 647	53,1	
	- Sự nghiệp giao thông	10 560	2 340	22,2	
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	31 579	28 703	90,9	
	- Sự nghiệp khác	3 168	3 136	99,0	
2	Chi sự nghiệp môi trường	80 376	75 617	94,1	149,4
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	476 030	465 481	97,8	109,6
4	Chi sự nghiệp Y tế và dân số KHHGD	35 101	29 222	83,3	143,5
5	Chi sự nghiệp VH-TT, Phát thanh truyền hình	14 422	13 157	91,2	61,8
6	Chi sự nghiệp TDTT	15 373	7 363	47,9	159,5
7	Chi đảm bảo xã hội	101 674	94 417	92,9	115,6
8	Chi quản lý hành chính, đảng đoàn thể	253 494	227 259	89,7	107,1
	- Chi quản lý Nhà nước	159 864	137 186	85,8	
	- Hỗ trợ ngân sách Đảng	52 006	51 209	98,5	
	- Chi hỗ trợ các Hội, Đoàn thể chính trị	41 624	38 864	93,4	
9	Chi khác ngân sách	5 020	2 566	51,1	92,0
III	Dự phòng ngân sách	49 477			

L. M. T. P.